

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ CẢ NƯỚC
Tháng 01 năm 2013

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2013 SO VỚI		
	<i>Kỳ gốc năm 2009</i>	<i>Tháng 01 năm 2012</i>	<i>Tháng 12 năm 2012</i>
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	148,67	107,07	101,25
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	154,06	101,34	101,34
1- Lương thực	142,07	94,61	100,15
2- Thực phẩm	156,18	101,50	101,96
3- Ăn uống ngoài gia đình	160,72	108,42	100,60
II, Đồ uống và thuốc lá	133,26	103,90	100,42
III, May mặc, mũ nón, giày dép	139,64	108,36	101,30
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng ^(*)	160,55	107,73	100,36
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	126,90	105,71	100,54
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	172,85	155,59	107,40
Trong đó: Dịch vụ y tế	195,35	178,78	109,50
VII, Giao thông	145,18	106,09	100,03
VIII, Bưu chính viễn thông	87,84	99,61	99,95
IX, Giáo dục	175,09	117,29	100,30
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	184,29	119,36	100,33
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	122,04	104,35	100,33
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	146,46	109,52	100,74
 CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	 226,97	 102,37	 98,27
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	120,44	98,91	99,92